

Tiểu sử cuộc đời thánh Phaolô

Tác giả: LM Giuse Linh Tiến Khải

Thứ sáu - 28/06/2019 21:39

LỜI TỰA

Loạt bài về thánh Phaolô gồm các bài viết cho mục "Tìm Hiểu Kinh Thánh" của Chương Trình Việt Ngữ Đài Chân Lý Á Châu (Radio Veritas Manila). Chúng đã được sắp xếp lại thành chương mục, nhưng vẫn giữ nguyên tính chất "phổ thông" và thứ ngôn ngữ quảng bá Kinh Thánh cho đại chúng. Đặc biệt sách giữ nguyên hình dạng các đề tài ngắn gọn, có thể đọc trong mười phút.

Cũng giống như nhiều tác phẩm khác trong Kinh Thánh, các tài liệu liên quan tới thánh Phaolô mênh mông bất tận. Để đơn giản, loạt bài này đã được viết theo bộ sách ba cuốn tựa đề "Le lettere di Paolo", "Các thư của thánh Phaolô", do hai chuyên viên Kinh thánh Tân Ước tên tuổi của Italia là Giuseppe Barbaglio (I-II) (744 tr. và 650 tr.) và Rinaldo Fabris (III) (869 tr.) biên soạn, và do nhà xuất bản Borla ấn hành năm 1980. Đây là một trong các bộ chú giải mới, hay và có uy tín nhất về thánh Phaolô, dĩ nhiên luôn luôn với các ưu và khuyết điểm của nó.

Tuy nhiên cách trình bày có một vài điểm khác biệt:

1. Ở đây các bài viết chỉ dùng phần giới thiệu và dẫn nhập tổng quát của từng thư. Sau đó là phần quảng diễn một số văn bản quan trọng của mỗi thư, chứ không có bản dịch và chú giải chi tiết đầy

đủ.

2. Để cho bạn đọc đỡ phải mất giờ tra cứu các văn bản Kinh Thánh được các tác giả trung dẫn trong ngoặc, khi cần các bài viết thường được trích nguyên văn hay tóm tắt nội dung các văn bản đó.

3. Nhiều ý niệm và từ ngữ xa lạ đối với bạn đọc thường được giải thích hay quảng diễn một cách ngắn gọn.

4. Các bài được đánh số thứ tự để dễ tra cứu, khi cần.

5. Phần đầu của một số bài lập lại phần cuối của bài trước, để cho nội dung bài viết thêm mạch lạc, không đứt quãng.

6. Các tên riêng thông dụng được viết theo kiểu Việt Nam, đa số còn lại thường theo sát tiếng Ý chừng nào có thể, để dễ tâm nguyên, chứ không theo cách phiên âm của văn bản tiếng Việt.

Tuy trong tiếng Việt chưa có hệ thống viết tắt một cách đồng nhất tên các sách trong Kinh Thánh, nhưng để từ từ đi tới chỗ đồng nhất, các bài viết theo cách viết tắt của bản dịch và chú giải "Kinh Thánh Tân Ước", do Nhóm Phụng Vụ Giờ Kinh phát hành năm 1994 tại Việt Nam.

Các tài liệu, sách báo, nguyệt san nghiên cứu ngoại quốc đều được đề y nguyên theo các hệ thống viết tắt quốc tế.

Ngoài ra, để quý bạn đọc giả biết ngoại ngữ có thể khảo cứu thêm, xin lấy lại số tài liệu đã được các nhà chú giải kê khai trong phần dẫn nhập của bộ sách này.

Sau cùng, cũng xin dùng lại bản "Mục lục phân tích" ở cuối quyển III của bộ chú giải, vì nó rất ích lợi cho việc tra cứu các đề tài thần học đã được thánh Phaolô trình bày trong các thư.

Câu mong loạt bài về các thư của thánh Phaolô giúp chúng ta hiểu biết các vấn đề của Giáo Hội thời khai sinh và nếm hưởng được sự điệp thần học sâu sắc của thần học gia có một không hai trong lịch sử Kitô giáo, đặc biệt trong Năm Thánh Phaolô 2008-2009 đã được Đức Thánh Cha Biển Đức XVI công bố!



CHƯƠNG I

TIỂU SỬ CUỘC ĐỜI THÁNH PHAOLÔ

1. Phaolô thành Tarso, một gương mặt nổi bật của Giáo Hội Kitô tiên khởi.
2. Cuộc gặp gỡ đổi đời của thánh Phaolô với Chúa Kitô phục sinh.
3. Thánh Phaolô, nhà truyền giáo thời danh của Giáo Hội Kitô tiên khởi.
4. Chiến thuật truyền giáo của thánh Phaolô.
5. Thánh Phaolô, con người của Tin Mừng.

CHƯƠNG II

DUNG MẠO CÁC CỘNG ĐOÀN KITÔ TIÊN KHỞI TRONG TƯƠNG QUAN VỚI THÁNH PHAOLÔ

6. Gương mặt xã hội của các cộng đoàn kitô tiên khởi.
7. Tương quan giữa thánh Phaolô và tín hữu thuộc các cộng đoàn kitô tiên khởi.
8. Thương con cho roi cho vọt: phương pháp sư phạm của thánh Phaolô.
9. Phaolô, vị tông đồ gặp nhiều chống đối.
10. Con đường thập giá của thánh Phaolô.

CHƯƠNG III

THƯ TÍN: MỘT HÌNH THỨC TÔNG ĐỒ MỤC VỤ

11. Nhà văn Phaolô.
12. Các hình thái văn chương đặc biệt trong thư của thánh Phaolô.
13. Một số hình thái văn chương đặc thú trong các thư của thánh Phaolô.

14. Thể văn cánh chung khai huyền và khuyến dụ trong các thư của thánh Phaolô.
15. Các kiểu hành văn chính trong các thư của thánh Phaolô.
16. Tính chất xác thực và thống nhất trong các thư của thánh Phaolô.
17. Việc thu thập các thư của thánh Phaolô.

CHƯƠNG IV

MỘT VÀI ĐẶC THÁI TRONG TƯ TƯỞNG THẦN HỌC CỦA THÁNH PHAOLÔ

18. Thần học gia Phaolô.
19. Thánh Phaolô có phải là một nhà thần học hệ thống không?
20. Các chặng trong tiến trình giáo huấn thần học của thánh Phaolô.
21. Kitô học như đường nét thống nhất căn bản trong nền thần học của thánh Phaolô.
22. Nét độc đáo trong tư tưởng của thánh Phaolô bắt nguồn từ đâu?
23. Thánh Phaolô là môn đệ của Chúa Giêsu hay là vị sáng lập thứ hai của Kitô giáo?
24. Tính chất xa lạ và thời sự trong các thư của thánh Phaolô.

CHƯƠNG I

TIỂU SỬ CUỘC ĐỜI THÁNH PHAOLÔ

1. PHAOLÔ THÀNH TARSO, MỘT GƯƠNG MẶT NỔI

BẬT CỬA GIÁO HỘI KITÔ TIÊN KHỞI

Trong số các nhân vật của Kinh Thánh Tân Ước, kể cả Đức Giêsu thành Nagiarét, có lẽ Phaolô là gương mặt hiển nhiên và dễ tìm hiểu nhất. Các thư thánh nhân để lại là các tài liệu quý giá giúp chúng ta hiểu biết tư tưởng, hoạt động truyền giáo và một cách gián tiếp cả con người của vị tông đồ dân ngoại này nữa. Thánh Phaolô cũng là nhân vật chính của phần hai sách Tông Đồ Công Vụ, trình thuật công cuộc rao truyền Tin Mừng của Giáo Hội Kitô tiên khởi. Dĩ nhiên, khi giới thiệu thánh Phaolô như là nhà truyền giáo gương mẫu, thánh sử Luca đã chỉ cho chúng ta thấy một gương mặt phiến diện của Phaolô, với ít nhiều "son phán" đề cao các khía cạnh tích cực, và giảm thiểu các nét tiêu cực gây vấp nạn hay tạo ra các khó khăn trong cuộc đời của ngài. Dầu thế nào đi nữa, người muốn tìm hiểu cuộc đời và con người của thánh Phaolô không thể bỏ qua các nét phong phú của sách Công Vụ. Tuy các tài liệu liên quan tới thánh Phaolô tương đối nhiều so với các nhân vật khác trong Tân Ước, nhưng rất khó mà viết lại một tiểu sử đầy đủ, vì chúng ta thiếu rất nhiều dữ kiện liên quan tới cuộc đời của thánh nhân. Chẳng hạn không ai biết gì chính xác về cái chết của thánh Phaolô. Nhưng liên quan tới vai trò và thế đứng của thánh nhân trong bối cảnh của Kitô giáo thời khai sinh, chúng ta có nhiều yếu tố khá đầy đủ và chính xác.

Dựa trên các điều thánh Phaolô tiết lộ trong các thư gửi tín hữu đó đây, và sách Công Vụ 9,11; 22,3, chúng ta biết được Phaolô đã sinh trưởng tại thành Tarso, là thủ phủ vùng Cilicia, đông nam Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Sách Công vụ khi thì gọi thánh nhân là Saulô, khi thì gọi là Phaolô (7,58; 8,1.3; 9,1.8.11.22.24; 11,25.30; 12,25; 13,1.2.7.9). Vị thế của thành Tarso khiến nó trở thành nơi gặp gỡ giao thoa giữa hai thế giới đông tây dưới thời đế quốc

Roma. Thành Tarso cũng nổi tiếng, vì là một trung tâm văn hóa, có cả một trường phái triết lý từng đào tạo ra các triết gia tên tuổi như: Crisippo, Atenodoro và Nestore.

Không ai biết thánh Phaolô sinh năm nào. Trong thư gửi Philêmôn (c.9) viết vào khoảng giữa năm 50, thánh nhân nói mình là ông cụ già. Như vậy, chúng ta có thể đoán là thánh nhân chào đời vào các năm đầu kỷ nguyên kitô, và có lẽ thánh Phaolô trẻ hơn Chúa Giêsu mười tuổi. Chương 7 sách Công Vụ trình thuật lại biến cố tử đạo của thầy sáu Stêphanô cho biết là các người do thái làm chứng gian tố cáo Stêphanô đã cởi áo choàng để dưới chân một thanh niên tên là Saulô, rồi cùng dân chúng ném đá Stêphanô (Cv 7,58). Sự kiện thánh Phaolô cho mình là già cũng dễ hiểu. Sau bao nhiêu năm bôn ba truyền giáo, sức mỗi chân chôn, giờ đây lại bị tù tội nữa, thánh nhân cảm thấy đời mình đã thật sự xế chiều. Và đối với thế hệ môn đệ trẻ như Philêmôn, thánh nhân quả là một ông cụ già trong mọi nghĩa tâm sinh vật thể lý, đặc biệt là già dặn kinh nghiệm và từng trải trong đời tông đồ.

Liên quan tới gia thế của thánh Phaolô chúng ta có nhiều yếu tố hơn. Trong chương 11,1 thư gửi tín hữu Roma và trong chương 3,5 thư gửi Philêmôn thánh nhân cho biết ngài "gốc do thái, con của người do thái, thuộc chi tộc Bengiamin" (Rm 11,1). Thánh nhân hãnh diện về nguồn gốc của mình. Đối với những tông đồ giả len lỏi vào cộng đoàn Côrintô để lũng đoạn hàng ngũ tín hữu, thánh Phaolô đã không ngần ngại đối chất để vạch mặt nạ của họ, như chúng ta có thể đọc trong thư thứ 2 gửi giáo đoàn Côrintô chương 11,22: "Họ là người do thái ư? Tôi cũng là người do thái. Họ là người Israel ư? Tôi cũng là người Israel. Họ là con cháu Abraham ư? Tôi cũng là con cháu Abraham". Nhưng còn hơn thế nữa, Phaolô đã là thành phần của nhóm nhỏ biệt phái triết để trung

thành với lề luật Môshê và các truyền thống của Do thái giáo (Pl 3,5). Mặc dầu sinh trưởng trong thành Tarso, là một thành phố hy Lạp, nằm ngoài biên giới đất Palestina, thánh Phaolô thuộc gia đình do thái duy trì tinh tuyền máu huyết và truyền thống nhân chủng, văn hóa và tôn giáo do thái. Phaolô đã lớn lên trong bầu khí gia đình do thái, nói tiếng do thái, và được đào tạo trong hội đường do thái nên hiểu biết truyền thống kinh thánh và văn hóa do thái.

Tuy nhiên, khung cảnh gia đình và nền giáo dục đó đã không khiến cho Phaolô có tâm thức đóng kín và xa lạ với nền văn hóa hy Lạp. Phaolô đã viết các thư của mình bằng tiếng Hy Lạp và dùng các nhân tố văn hóa của thế giới hy Lạp để trình bày giáo lý kitô. Ngài đã là người đầu tiên đem Tin Mừng hội nhập văn hóa của các tín hữu thời đó. Tuy nhiên, khác với người đồng hương là triết gia Philon thành Alessandria bên Ai Cập, tư tưởng của thánh Phaolô không mang đậm màu sắc của nền văn hóa hy Lạp. Cách sắp xếp tư tưởng và lý luận thần học của thánh nhân đều theo tâm thức kinh thánh và do thái.

Chương 22 sách Công Vụ trình thuật buổi thuyết giáo của Phaolô trong thành Giêrusalem. Theo đó, chính thánh nhân cho biết là đã sinh tại thành Tarso bên vùng Cilicia, nhưng đã lớn lên tại Giêrusalem và theo học trường của rabbi Gamaliel, tuân theo các luật lệ nghiêm ngặt của cha ông và đầy nhiệt huyết với Thiên Chúa (22,3). Dựa trên chi tiết này học giả J. Jeremias cho rằng Phaolô cũng đã là một rabbi xuất thân từ trường nói trên, nhưng thật ra không có bằng chứng nào minh xác cho điều đó. Ngay cả sự kiện Phaolô lớn lên tại Giêrusalem cũng không chắc đã đúng, bởi vì trong thư gửi giáo đoàn Galát (1,21) khi kể cho tín hữu Galát nghe biến cố đời của mình, thánh Phaolô nói rằng kitô

hữu trong giáo đoàn tại Giêrusalem đã không hề biết ngài là ai. Điều chắc chắn duy nhất chúng ta biết được đó là Phaolô đã là một người biệt phái rất hăng say tuân giữ luật lệ và các truyền thống luân lý đạo đức của Do thái giáo. Chỉ nội sự kiện Phaolô là thành viên của nhóm biệt phái cũng đủ chứng minh cho thấy Phaolô thuộc lớp người tuân giữ luật lệ nghiêm ngặt. Còn hơn thế nữa, Phaolô đã là người sống lý tưởng biệt phái với tất cả tâm hồn mình. Chính thánh nhân đã thú nhận điều này với tín hữu Galát và với Philêmôn: "Về việc trung thành với Do thái giáo tôi vượt xa nhiều người đồng hương. Và tôi tuân giữ các truyền thống cha ông hăng say hơn họ" (Gl 1,14). Phaolô là người "không chê trách vào đâu được liên quan tới sự công chính có được qua việc tuân giữ luật lệ" (Pl 3,6).

Ở đây tưởng cũng nên minh xác một điều liên quan tới nhóm biệt phái. Kiểu cách sống giả hình tội lỗi của các người biệt phái bị Chúa Giêsu quở trách nặng nề như ghi trong Phúc Âm thánh Mátthêu, không được khiến cho chúng ta phủ nhận công lao của bè phái này. Thật ra nhóm biệt phái là một trong nhiều giáo phái của Do thái giáo thời đó. Nó quy tụ một nhóm giáo dân tinh nhuệ, sống lý tưởng đạo đức luân lý rất cao. Chính họ đã mạnh mẽ bảo vệ và duy trì lòng tin độc thần của Do thái giáo, và truyền bá sâu rộng niềm tin này giữa các dân ngoại. Rất nhiều truyền thống do thái còn tồn tại mà không bị mai một với thời gian là nhờ công lao của họ. Sau khi tin nhận Chúa Giêsu Kitô phục sinh, Phaolô cũng đã không thể chối bỏ độ cao tôn giáo và luân lý đạo đức trong quá khứ biệt phái của mình. Thật vậy, trước khi biết Chúa Kitô, Phaolô đã là một tín hữu do thái công chính, ngay thật và nhiệt thành trước mặt Thiên Chúa (Pl 3,6-9). Chỉ có điều là kiểu sống đạo ấy tập trung sự chú ý nơi chính mình mà thôi. Lý tưởng của mỗi một người biệt phái là hiện thực cuộc sống tôn giáo và

đạo đức luân lý của mình bằng cách chu toàn các việc lành phúc đức.

Tuy nhiên, cũng chính thái độ nhiệt thành ấy đã đẩy đưa Phaolô tới chỗ cuồng tín. Nhân danh Do thái giáo Phaolô đã thẳng tay bách hại các kitô hữu. Chính thánh nhân tự thú với tín hữu Galát ngay trong chương 1 khi viết: "Chắc anh chị em đã nghe nói về cách ăn ở của tôi lúc tôi còn theo đạo Do thái: Tôi đã bách hại Giáo hội Chúa quá độ" (Gl 1,13). Cũng chính vì thế trong chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, Phaolô đã khẳng định rằng Chúa Kitô phục sinh đã hiện ra với ngài, là người sinh sau để muôn, mặc dầu thánh nhân không xứng đáng được gọi là tông đồ, vì đã từng bách hại Giáo Hội Chúa (1 Cr 15,8-9). Trong chương 3 thư gửi tín hữu Philiphê thánh nhân cho biết ngài đã bách hại kitô hữu vì lòng nhiệt thành với Do thái giáo (Pl 3,6). Đối với Phaolô, Kitô giáo là một bè phái lạc đạo nguy hiểm. Sự kiện Đấng Cứu Thế bị đóng đinh trên thập giá là một lạc thuyết không thể chấp nhận được, bởi vì ai bị treo trên thập tự là người bị Thiên Chúa chúc dữ (Đnl 21,23).

Gương mặt gian ác, khát máu và đen tối của Phaolô như trình thuật trong chương 9 sách Tông Đồ Công Vụ chỉ là kết quả của một câu chuyện bình dân nhiều màu mè, chứ không phản ánh sự thật. Việc Phaolô xin thư ủy nhiệm của Công Nghị Do thái phải được hiểu như là lệnh áp dụng luật lệ trong nội bộ cộng đoàn, trong các hội đường Do thái thôi, chứ trên bình diện pháp luật Công Nghị Do thái Giêrusalem không có quyền hành gì ngoài Palestina. Sau này Phaolô cũng sẽ trở thành nạn nhân của các biện pháp trừng phạt nội bộ này (2 Cr 11,24-25).

Liên quan tới cuộc sống dân sự của Phaolô, chúng ta cũng không

biết gì nhiều. Chương 18,3 sách Công Vụ cho biết thánh Phaolô làm nghề đan lều hay làm chăn. Trong các năm rao giảng Tin Mừng thánh nhân cũng đã lao động để tự mưu sinh, chứ không nhờ vả các tín hữu (1 Ts 2,9; 1 Cr 9,1tt.; Cv 18,1-5). Cũng không ai biết chắc thánh Phaolô có vợ hay sống độc thân. Trong chương 7,7 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô thánh nhân nói ngài muốn tháo gỡ họ khỏi mọi dây ràng buộc của hôn nhân, để được tự do như ngài. Nhưng trong chương 9,4-6 Phaolô khẳng định rằng ngài có quyền đem vợ theo như các tông đồ khác và đặc biệt như Phêrô, nhưng đã khước từ quyền đó để không gây chướng ngại cho việc chấp nhận Tin Mừng (9,12). Dựa trên đó có học giả như Perrot cho rằng thánh Phaolô đã bỏ vợ để tận hiến cuộc đời cho công việc truyền giáo. Người khác như J. Jeremias thì cho rằng Phaolô góa vợ. Nhưng thật ra không ai biết gì chính xác.

2. CUỘC GẶP GỠ ĐỐI ĐỜI CỦA THÁNH PHAOLÔ VỚI CHÚA KITÔ PHỤC SINH

Một trong các đề tài được thánh Phaolô đề cập tới nhiều lần trong các thư, đó là kinh nghiệm cuộc gặp gỡ đối đời với Chúa Kitô phục sinh. Tuy nó quan trọng, nhưng thánh Phaolô không trình thuật tỉ mỉ các phản ứng tâm lý và các chi tiết diễn biến bề ngoài. Phaolô chỉ nêu bật lòng thương xót của Chúa Kitô đối với ngài (1 Cr 7,25), là người không xứng đáng được Chúa thương như vậy, vì đã bắt bớ các kitô hữu. Nhưng Chúa Kitô đã xót thương và "sau cùng cũng hiện ra với ngài là kẻ sinh sau đẻ muộn", như thánh nhân viết trong chương 15,8 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô. Khi tranh luận với các tông đồ giả len lỏi trong cộng đoàn để đánh phá công cuộc truyền giáo bằng cách phao đồn thánh nhân không phải là tông đồ thật, Phaolô đã phân trần: "Có phải tôi là người đã không được trông thấy Chúa Giêsu hay sao?" (9,1). Trong phần

tự biện minh cho ơn gọi tông đồ và sứ mệnh của mình, chương 1 thư gửi tín hữu Galát, Phaolô minh xác rằng Tin Mừng mà ngài rao giảng cho họ đã được chính Chúa Giêsu Kitô mạc khải cho ngài, chứ thánh nhân không học hỏi từ con người (Gl 1,12). Chính Thiên Chúa Cha đã có sáng kiến mạc khải Đức Giêsu Con Ngài cho thánh nhân, để thánh nhân rao truyền cho các anh chị em ngoài Do thái giáo (Gl 1,15-16). Kinh nghiệm được mạc khải, được soi sáng này, thánh Phaolô diễn tả bằng một hình ảnh tuyệt đẹp khi viết trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô: "Và Thiên Chúa là Đấng đã phán "ánh sáng hãy bừng lên trong bóng tối", đã khiến cho ánh sáng chiếu soi trong tâm lòng chúng ta, để chúng ta cũng khiến cho sự hiểu biết vinh quang Thiên Chúa phản ánh nơi gương mặt của Chúa Kitô, rạng ngời lên" (2 Cr 4,6). Sau cùng trong thư gửi tín hữu Philiphê Phaolô tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Chúa của ngài (Pl 3,8), Đấng đã dùng sức mạnh mà giơ tay tóm lấy thánh nhân (Pl 3,12). Nói cách khác, thánh Phaolô muốn khẳng định rằng kinh nghiệm gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh trên đường tới thành Damasco khiến cho thánh nhân xác tín mình là người được hay bị Chúa Kitô chiếm hữu.

Qua đó chúng ta thấy trình thuật cuộc gặp gỡ đòi đời của Phaolô rất khác xa với lược đồ cổ điển của biến cố hoán cải được hiểu trong nghĩa cá nhân và luân lý, bởi vì Phaolô không phải là một người bê tha tội lỗi tìm lại đường ngay nẻo chính, sau khi đã đi theo con đường sự dữ. Phaolô lại càng không phải là một người đã dùng sự hiểu biết và lý trí của mình để đi tới chỗ tin nhận Thiên Chúa hay đạt được thị kiến tôn giáo giúp hiểu biết thực tại siêu việt. Nếu chúng ta muốn nói tới sự hoán cải của Phaolô, thì đó là sự hoán cải, nghĩa là đổi hướng đang đi, quay ngược trở lại 180 độ để đi đến với Chúa Kitô, Chúa Kitô phục sinh mà thánh nhân khám phá ra với đôi mắt lòng tin. Phaolô tin vào sự siêu việt của

Đức Kitô phục sinh, Con Thiên Chúa và là Đấng trung gian duy nhất, đại đồng, trao ban ơn cứu độ cho con người.

Khi dùng từ "khám phá" là chúng ta đứng trên bình diện nhân chủng. Thật ra, thánh Phaolô đã không bao giờ dùng từ khám phá để nói về cuộc gặp gỡ đôi đời của ngài với Chúa Kitô phục sinh. Phaolô đã luôn luôn nói tới biến cố Đức Kitô phục sinh đã tới gặp ngài trong vinh quang rạng ngời của Thiên Chúa Cha, là Đấng đã soi sáng và mạc khải cho thánh nhân hiểu biết căn cước của Chúa Kitô. Nói cách khác, thánh Phaolô đã không miêu tả kinh nghiệm gặp gỡ của ngài trong nhãn quan tiểu sử hay trên bình diện tâm lý, mà giải thích kinh nghiệm gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh với các ý niệm thần học thuần túy. Đặc biệt Phaolô đã lồng khung kinh nghiệm đó vào trong bối cảnh của lịch sử cứu độ, và đặt để nó vào trung tâm thời điểm ghi dấu khúc rẽ quyết liệt và định đoạt, mà Chúa Giêsu Kitô phục sinh đã đem lại cho lịch sử cứu độ. Cuộc gặp gỡ đôi đời của thánh Phaolô với Chúa Kitô phục sinh đã là một biến cố ơn thánh (Cf. 1 Cr 15,10). Đó là một thí dụ điển hình minh chứng cho thấy kiểu cách hành xử của Thiên Chúa trong nỗ lực công hiến ơn cứu độ của Ngài cho tất cả mọi người, kể cả những người thù ghét Thiên Chúa và bách hại các tín hữu (Pl 3,7-11).

Chúng ta có thể định nghĩa biến cố gặp gỡ đôi đời ấy của thánh Phaolô như là một cuộc tạo dựng mới; vì ánh sáng chói chang bùng nổ đã chiếu soi thế giới tối tăm của cuộc đời Phaolô, cũng là ánh sáng Thiên Chúa đã tạo dựng vào thời khai nguyên vũ trụ, để kéo lôi vũ trụ ra khỏi bóng tối của cảnh hỗn mang nguyên thủy (Cf. 2 Cr 4,6). Cũng chính Ánh sáng thiên linh ấy đã ghi dấu biến cố phục sinh của Đức Giêsu Kitô, khai hoàn ra khỏi thế giới tối tăm của kẻ chết, và sau đó hiện ra với Phêrô và đoàn Tông Đồ (

Cf. 1 Cr 15.5-8). Nó nằm trong toàn bộ việc mạc khải sau hết, liên quan tới chương trình cứu độ của Thiên Chúa, tập trung và thành toàn nơi con người của Đức Kitô (Cf. Gl 1,16). Sau cùng, biến cố ơn thánh và gặp gỡ đòi đời ấy của Phaolô thành toàn lịch sử ơn gọi của các ngôn sứ trong Cựu Ước; bởi vì cũng giống như ngôn sứ Giêremia (Gr 1,5), và Người Tôi Tớ của Đức Giêhôva (Is 49,1), thánh Phaolô cũng đã được Thiên Chúa tuyển chọn trước khi sinh ra (Gl 1,15).

Tóm lại, cuộc gặp gỡ đòi đời của Phaolô không phải là một sự thay đổi cuộc sống có tính cách đạo đức luân lý và tôn giáo, cũng không phải là một dữ kiện cá nhân, riêng tư, mà là một biến cố có chiều kích công khai và công cộng. Thật thế, vì khi hoán cải, khi quay về với Chúa Kitô và tin theo Ngài, Phaolô cũng nhận lãnh lấy sứ mệnh của toàn cộng đoàn Kitô: đó là rao giảng Tin Mừng cứu độ của Chúa Giêhôva Kitô trên toàn thế giới. Biến cố gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh trên đường đến thành Damasco đã không chỉ cho tín hữu Phaolô chào đời, mà cũng còn làm nảy sinh ra thừa sai Phaolô nữa. Thiên Chúa đã mạc khải cho Phaolô biết Chúa Kitô Con Ngài, để ông loan báo Chúa Kitô cho dân ngoại (Gl 1,16).

Kinh nghiệm cuộc gặp gỡ đòi đời của Phaolô cũng được trình thuật trong chương 9,1-18 sách Tông Đồ Công Vụ, nhưng mang sắc thái thâm trầm và có mục đích khuyến dụ. Chúa Kitô phục sinh vinh hiển đã chặn đường Saulô, kẻ bách hại các Kitô hữu, quật ông té xuống đất, đánh cho ông mù mắt bằng ánh sáng thiên linh của Ngài, và mạc khải cho ông biết Ngài là Đức Kitô mà ông đang truy lùng bắt bớ. Câu chuyện được đặt trên miệng của Phaolô với một vài thay đổi trong các chương 22,3-16 và 26,9-23. Biến cố được miêu tả trong giọng văn và lược đồ của các lần Thiên Chúa

tự tỏ hiện ra cho con người, như ghi trong các văn bản Kinh Thánh Cựu Ước. Do đó nó không phải là một trang lịch sử trình thuật những gì đã xảy ra một cách chính xác và trung thực. Các nhân tố mang sắc thái phép lạ là một kiểu cách hành văn có mục đích nêu bật cường độ của cuộc gặp gỡ đòi đời của Phaolo với Chúa Kitô phục sinh, và nhất là để nhấn mạnh đến chiều sâu của biến cố ơn thánh đó trong cuộc đời của một người biệt phái cuồng nhiệt như Phaolô. Hình thái của lời văn kể chuyện cũng cho thấy tiến trình giải thích biến cố. Các chứng từ trực tiếp cũng như gián tiếp trong Kinh Thánh Tân Ước không cung cấp cho chúng ta các yếu tố giúp đọc hiểu được con đường tâm lý, mà thánh Phaolo đã theo trong cuộc gặp gỡ đòi đời đó. Đã có các nhân tố lịch sử nào ảnh hưởng trên sự đòi đời này? Đây là một cú sét tình yêu siêu việt, hay Phaolô đã phải lần mò theo một tiến trình trưởng thành từng bước, đòi hỏi nhiều thời gian với các đêm dài thao thức âu lo? Không ai có thể trả lời được các câu hỏi này. Theo những suy tư thánh Phaolô kể lại cho các tín hữu 20 năm sau đó, chúng ta có thể nhận ra một tiến trình rõ ràng trong ý thức là tông đồ của Phaolô. Ý thức đó đã được các kinh nghiệm về Giáo Hội và sinh hoạt truyền giáo củng cố thêm dần dần với thời gian.

Cũng không ai có thể xác định một cách chính xác biến cố này đã xảy ra khi nào. Nếu giữa các năm 51-52, thánh Phaolô đang truyền giáo tại Côrintô, thì biến cố gặp gỡ đòi đời đã xảy ra vào khoảng năm 30. Tuy nhiên chúng ta có thể lượng định sự thay đổi trong cuộc sống của Phaolô một cách chắc chắn. Từ chỗ là một người biệt phái nhiệt thành tuân giữ luật lệ Môshê và các truyền thống Do thái giáo một cách tỉ mỉ, đến như tôn thờ cái tôi của chính mình và chắc chắn nắm vững ơn cứu độ trong tay qua việc tuân giữ luật lệ, Phaolô hiểu ra cái vô lý và vô ích của thái độ sống đạo này. Ông đã kiếm tìm cho mình một con đường khác. Và sau

cùng Thiên Chúa đã thưởng cho các kiếm tìm chân thành và kiên trì của Phaolô. Sau cuộc gặp gỡ đối đời với Chúa Kitô phục sinh, Phaolô say mê Chúa Kitô chịu đóng đinh tới độ ông không còn trông thấy gì khác ngoài Chúa Kitô. Phaolô coi tất cả mọi sự trên trần gian này là một mất mát và nhận chịu mất mát mọi sự, kể cả mạng sống mình, miễn là có thể đem mọi người về với Chúa Kitô (Pl 3,8-9). Nghĩa là Phaolô đổi hướng đời mình 180 độ: từ chỗ tự mãn tưởng mình toàn năng, có thể tự cứu rỗi qua những gì mình làm, tới chỗ nhận rằng mình tùy thuộc và tín thác hoàn toàn nơi Chúa Kitô; từ thái độ tuân giữ luật lệ như nô lệ tới thái độ vâng phục của lòng tin. Khi đọc các thư của Phaolô chúng ta thấy rõ tâm lý điển hình của một tâm hồn hoán cải: hoàn toàn gắn bó với lý tưởng sống mới, tố cáo thái độ sống lầm lạc trước đây của mình, xác tín mạnh mẽ rằng con đường mình đã chọn là đúng, can đảm và kiên trì trong mọi gian lao thử thách phải chịu vì lý tưởng sống mới ấy. Như hoa trái của một cuộc kiếm tìm, lòng tin của Phaolô tươi mát và nồng cháy. Nhưng đồng thời một đôi khi lòng tin đó cũng khiến cho vị tông đồ dân ngoại có thái độ thiếu bao dung và bất công đối với các địch thủ của ngài trong lòng tin. Phaolô không bao giờ chấp nhận các giàn xếp lắt léo để được yên thân hay khỏi phải gặp khó khăn đau khổ.

3. THÁNH PHAOLÔ, NHÀ TRUYỀN GIÁO THỜI DANH CỦA GIÁO HỘI KITÔ TIÊN KHỞI

Kho tàng tư tưởng thần học sâu sắc trong các thư của thánh Phaolô có thể khiến cho nhiều người tưởng lầm thánh nhân là một nhà trí thức chuyên nghiệp hay một tư tưởng gia cổ điển. Thực ra không phải như vậy. Trước tiên Phaolô đã là một người hoạt động. Dĩ nhiên, thánh nhân đã viết nhiều và soạn thảo ra cả một thiên chú giải sâu sắc về lòng tin kitô. Nhưng sinh hoạt thư tín của ngài đi

liên với cuộc đời truyền bá Tin Mừng cho các cộng đoàn tại Tiểu Á và châu Âu, bốn ba nay đây mai đó. Nói cách khác, Phaolô là một nhà truyền giáo đã dùng thư từ của mình như phương tiện thông truyền, phổ biến và củng cố lòng tin. Ngoài ra cũng nên ghi nhận sự kiện thánh nhân không phải là nhà truyền giáo duy nhất của Giáo Hội thời khai sinh, vì còn có nhiều vị khác nữa như Phêrô và Barnaba. Tuy nhiên, chúng ta có thể coi Phaolô như là tông đồ đã sáng suốt bảo vệ lập trường rộng mở Giáo Hội cho thế giới ngoài Do thái giáo.

Có thể chia sinh hoạt truyền giáo của Phaolô thành ba giai đoạn chính. Giai đoạn thứ nhất khá tối tăm, bắt đầu từ lúc hoán cải cho tới lúc gia nhập cộng đoàn Antiokia bên Siria. Giai đoạn thứ hai bao gồm các hoạt động rao giảng Tin Mừng tại Antiokia, cứ điểm truyền giáo đầu tiên, nơi Phaolô đã trở thành nhân vật nổi bật, và sau đó được cộng đoàn đề cử đem Tin Mừng tới cho các anh chị em ngoài Do thái giáo. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn truyền giáo độc lập. Phaolô bốn ba ngang dọc, giảng đạo trong vùng Tiểu Á và bên Hy Lạp, thành lập nhiều cộng đoàn kitô địa phương. Đặc biệt trong giai đoạn này Phaolô trở thành một nhân vật rất có uy tín trong các giáo đoàn nói tiếng hy lạp, và hoàn toàn độc lập đối với truyền thống văn hóa và tôn giáo do thái.

Chúng ta có ít tin tức liên quan tới giai đoạn truyền giáo thứ nhất. Chương 9 sách Tông Đồ Công Vụ cho biết sau cuộc gặp gỡ đời đời với Chúa Kitô phục sinh trên đường tới Damasco, Phaolô bị mù mắt và được các người đồng hành dẫn vào thành. Chúa Kitô sai Anania, một Kitô hữu của cộng đoàn Kitô Damasco, tới gặp Phaolô để đặt tay cho ông sáng mắt. Phaolô được tràn đầy Chúa Thánh Thần và lãnh nhận phép rửa tội, rồi lưu lại với các kitô hữu Damasco vài ngày. Sau đó Phaolô bắt đầu công khai rao giảng

Chúa Kitô phục sinh trong các hội đường do thái tại Damasco và vùng đông nam Damasco (Gal 1,17). Phaolô trưng dẫn các lý chứng vững vàng cho thấy Đức Giêsu là Đấng Cứu Thế, khiến cho người Do thái tức giận lập mưu hạ sát ông. Họ cho người canh giữ cửa thành nghiêm ngặt. Nhưng đang đêm các kitô hữu có nhà xây trên tường thành giúp Phaolô trốn thoát, bằng cách bỏ Phaolô vào thúng và thòng xuống bên ngoài tường thành. Sau này thánh nhân cũng nhắc lại các chống đối gặp phải và lần chết hụt thứ nhất này trong chương 11,32-33 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô.

Từ Damasco Phaolô về Giêrusalem và lưu lại đây một thời gian ngắn để làm quen với Kêpha, tức Phêrô, rồi sau đó sang Siria và Cilicia, miền nam Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, như thánh nhân viết trong thư gửi tín hữu Galát (1,21). Vài nét chấm phá ấy tóm gọn các sinh hoạt của 15 năm trời kể từ biến cố bị đánh ngã trên đường đi Damasco. Sách Tông đồ Công Vụ cũng không thêm chi tiết nào mới mẻ. Tuy nhiên cả hai tài liệu đều cho biết Phaolô đã gặp khó khăn trong cố gắng làm quen và sát nhập vào cộng đoàn. Kitô hữu Giêrusalem chẳng những không quen biết Phaolô mà còn tỏ ra nghi ngờ đối với ông (Gl 1,22; Cv 9,26-30). Qua đó chúng ta có thể kết luận rằng Phaolô đã không gặt hái nhiều thành công trong thời gian hoạt động này.

Giai đoạn truyền giáo thứ hai có nhiều tin tức hơn. Chương 11 sách Công Vụ cho biết Barnaba, là nhân vật nổi bật của Kitô giáo thời khai sinh, đã giới thiệu Phaolô với giáo đoàn Antiokia bên Siria (Cv 11,25). Antiokia là thủ phủ của vùng này và là thành phố lớn vào hàng thứ ba của Đế quốc Roma thời đó, nghĩa là chỉ sau Roma và Alessandria bên Ai Cập. Trong lịch sử Giáo Hội và lịch sử truyền giáo, Antiokia có địa vị quan trọng và ý nghĩa, vì là cứ điểm truyền giáo rộng lớn đầu tiên, nơi các môn đệ chọn

làm bản doanh cho công tác rao truyền Tin Mừng cho dân ngoại (Cv 11,19 tt.), và cũng là nơi lần đầu tiên các môn đệ Chúa Giêsu được gọi là kitô hữu (Cv 11,26). Giáo đoàn Antiokia là giáo đoàn hỗn hợp gồm các kitô hữu gốc do thái và không do thái. Phaolô đã hoạt động tại đây trong vòng một năm (Cv 11,26), và được giáo đoàn sai phái cùng với Barnaba đi truyền giáo tại đảo Chypre và các vùng đông nam của Tiểu Á, như trình thuật trong hai chương 13-14 sách Công Vụ. Qua chương 2 thư gửi tín hữu Galát chúng ta biết được rằng Phaolô cộng tác với Barnaba, là thành phần của cộng đoàn Kitô Antiokia và gặt hái thành quả tốt trong công tác rao truyền Tin Mừng cho các anh chị em ngoài do thái giáo.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau nảy sinh ra một vấn nạn trầm trọng liên quan tới việc gia nhập đạo của các người ngoài Do thái giáo. Để trở thành kitô hữu họ phải theo các điều kiện nào: chấp nhận tin vào Chúa Giêsu và Tin Mừng của Ngài là đủ, hay phải tuân giữ luật cắt bì của Do thái giáo nữa? Phaolô không phải là người đầu tiên khai mào công tác truyền giáo trong thế giới không do thái. Trước ông đã có một nhóm các kitô hữu gốc do thái nói tiếng hy lạp rao giảng Tin Mừng và thành lập cộng đoàn Antiokia. Nhưng khi từ một thói quen mục vụ truyền giáo bước sang việc thảo luận trên bình diện thần học, tức liên quan tới nguyên tắc do nhóm bảo thủ gồm các Kitô hữu gốc do thái đặt ra, Phaolô đã tỏ ra là người có hành động sáng suốt và trung thực nhất theo tinh thần Tin Mừng giải phóng của Chúa Kitô. Phaolô bênh vực sự tự do của các anh chị em ngoài do thái đối với luật lệ của Do thái giáo, mà các Kitô hữu gốc do thái vẫn tuân giữ. Cuộc tranh luận đã sôi nổi tới độ giới lãnh đạo Giáo Hội đã phải triệu tập hội nghị tại Giêrusalem để thảo luận và nghiên cứu vấn đề, như trình thuật trong chương 15 sách Công Vụ, và trong chương 2 thư gửi tín hữu

Galát. Hội nghị Giêrusalem đã là Công Đồng Chung đầu tiên trong lịch sử Kitô giáo. Barnaba và Phaolô cùng với hai nhân vật khác của giáo đoàn Antiokia đại diện cho phe cởi mở của cộng đoàn này tham dự Công Đồng. Sau khi nghe Barnaba và Phaolô trình bày và thảo luận phải trái trong Công Đồng, giới lãnh đạo Giáo Hội Kitô tiên khởi đã chấp nhận nguyên tắc tự do của các kitô hữu ngoài do thái. Hàng lãnh đạo cộng đoàn kitô Giêrusalem thỏa thuận với phái đoàn đại diện giáo đoàn Antiokia, và phân chia công tác truyền giáo. Trong chương 2,9 thư gửi tín hữu Galát, thánh Phaolô viết: "...sau khi thừa nhận đặc sủng mà Thiên Chúa đã trao phó cho tôi, Giacôbê, Kêpha và Gioan đã giơ tay phải bắt tay tôi tỏ tình liên đới để chúng tôi đi truyền giáo cho dân ngoại còn họ đi truyền giáo cho các anh chị em được cắt bì", tức tín hữu Do thái. Trong thư thánh Phaolô nêu bật rằng Công Đồng đã không áp đặt trên thánh nhân một điều lệ hạn chế nào. Trong khi trình thuật sách Công Vụ lại gắn liền với Công Đồng Giêrusalem việc ban bố một sắc lệnh liên quan tới việc hạn chế sự tự do của tín hữu không phải gốc do thái, như kiêng thịt đã cúng tế cho các thần linh, kiêng máu, kiêng thịt của các súc vật bị chết ngạt và xa lánh tà dâm (Cv 15,29).

Tuy nhiên, sắc lệnh hay bức thư do một phái đoàn được giới lãnh đạo Giáo Hội Giêrusalem cử đem sang cho tín hữu Antiokia nói trên, là một dữ kiện gây tranh luận trong giới học giả Kinh Thánh. Sắc lệnh đã là một giàn xếp đạt được trong Công Đồng Chung Giêrusalem giữa hai phe tự do và bảo thủ, hay là một tài liệu có nguồn gốc khác, không liên quan gì tới quyết định của Công Đồng? Nếu là quyết nghị của Công Đồng, tại sao thánh Phaolô đã lại không bao giờ nói tới trong các thư, khi trình thuật biến cố quan trọng này của Giáo Hội kitô tiên khởi? Thánh nhân đã không biết tới tài liệu này hay đã phản đối không chấp nhận nó? Rất tiếc

là chúng ta không có các dữ kiện giúp đưa ra câu trả lời chắc chắn cho khúc mắc này. Dầu thế nào đi nữa, Công Đồng Chung triệu tập tại Giêrusalem giữa các năm 48-49 đã đánh dấu một khúc rẽ quan trọng trong lịch sử Kitô giáo. Một đảng, nó phản ánh vấn đề mục vụ truyền giáo liên quan tới việc hội nhập văn hóa, mà Giáo hội phải can đảm thảo luận và giải quyết. Đảng khác, nó đánh dấu biến cố Kitô giáo hoàn toàn được giải thoát khỏi tình trạng bị ràng buộc và điều kiện hóa bởi gia tài văn hóa và tôn giáo do thái. Nhưng câu chuyện đã không kết thúc một cách đơn sơ như vậy. Thật thế, phe bảo thủ quá khích trong Giáo Hội kitô tiên khởi đã không chấp nhận quyết nghị của Công Đồng. Ngoài ra, còn có một vài khía cạnh vẫn chưa được giải quyết như: làm thế nào để duy trì sự sống chung hòa bình giữa các kitô hữu gốc do thái và các kitô hữu không phải gốc do thái trong cùng một cộng đoàn, như cộng đoàn Antiokia? Và quả vậy, chẳng bao lâu sau lại xảy ra tranh luận và căng thẳng trong cộng đoàn Antiokia. Lần này Phaolô công khai xung đột với Phêrô, như thánh nhân kể lại trong chương 2 thư gửi tín hữu Galát. Trong lần tới thăm cộng đoàn Antiokia cùng với một vài Kitô hữu bảo thủ Giêrusalem do Giacôbê phái đi, Phêrô đã sống phản chứng. Ban đầu ông lui tới thăm viếng và ăn uống rất tự nhiên với các kitô hữu không phải gốc do thái trong cộng đoàn. Nhưng sau đó bị nhóm bảo thủ Giêrusalem nói trên gây áp lực, Phêrô tránh không gặp và ăn uống với các kitô hữu không do thái nữa. Barnaba và các kitô hữu gốc do thái khác cũng lây thái độ phản chứng này của Phêrô. Và Phaolô đã không ngần ngại công khai nặng lời quở trách Phêrô giữa toàn cộng đoàn. Phaolô tố cáo Phêrô là đã phản lại quyết nghị của Công Đồng và đặt lại vấn đề nguyên tắc tự do của các anh chị em không do thái theo Kitô giáo. Thư gửi tín hữu Galát không cho chúng ta biết câu chuyện đã kết thúc ra sao. Nhưng khi so sánh với giọng kể chiến thắng của trình thuật Công Đồng

Giêrusalem, chúng ta có thể đoán được rằng lần này tại Antiokia Phaolô đã không thắng thế trong cuộc tranh luận. Có điều chắc chắn là sau vụ đụng độ công khai ấy, Phaolô tách rời, không đi truyền giáo với Barnaba nữa, mà hoạt động một cách độc lập với giáo đoàn Antiokia. Phaolô trở thành tông đồ của Chúa Kitô, và không phải tường trình với ai về công tác truyền giáo của mình, như thánh nhân viết trong chương 4,4 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô.

4. CHIẾN THUẬT TRUYỀN GIÁO CỦA THÁNH PHAOLÔ

Khi đọc các thư của thánh Phaolô và sách Tông Đồ Công Vụ, chúng ta có thể thu thập một số dữ kiện cho phép phác họa ra chiến thuật truyền giáo của thánh Phaolô.

Trước hết công tác rao truyền Tin Mừng đã chỉ được thực hiện trong các thành phố. Thật ra, các vị truyền giáo cũng không thể làm khác, vì thời đó hệ thống đường lộ của đế quốc Roma chỉ nối liền các thành phố của đế quốc với nhau. Từ thủ đô Roma của đế quốc, phát xuất các con lộ chính ngang dọc nước Italia chạy sang cho tới Gallia tức nước Pháp, Germania tức nước Đức, rồi Macedonia bên Hy Lạp, vòng sang vùng Tiểu Á, Siria, Libăng rồi xuống Palestina và Ai Cập. Ngoài hệ thống đường bộ còn có hệ thống đường biển nữa. Các tàu chiến và tàu buôn của đế quốc đi lại quanh năm ngang dọc Địa Trung Hải, chỉ ngoại trừ mấy tháng mùa đông là không thể dùng đường biển, vì có mưa bão. Ngoài ra, các vị truyền giáo chỉ có thể rao giảng bằng tiếng hy lạp, là ngôn ngữ thông dụng trong các thành phố của đế quốc hồi đó. Vì thế chúng ta thấy thánh Phaolô rao truyền Tin Mừng tại Damasco, Tarso, Antiokia bên Siria và các thành phố đông nam vùng Tiểu Á, tức Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, cũng như tại các thành phố trung

bắc vùng Galazia. Bên châu Âu thánh Phaolô rao truyền Tin Mừng tại các thành phố hy lạp như: Philipê, Thexalônica, Bêrêa, Athènes, Côrintô và sau cùng là tại Êphêxô thuộc tỉnh hạt Á châu của đế quốc. Thánh Phaolô chọn một thành phố lớn làm cứ điểm chính, rồi từ đó rao truyền Tin Mừng cho các vùng chung quanh. Điển hình là trường hợp thành Côrintô, nơi thánh nhân đã lưu lại truyền giáo từ năm 49 tới 52, và đặc biệt là Êphêxô trong chuyến truyền giáo thứ hai giữa các năm 53 tới 57.

Việc len lỏi và hội nhập vào cuộc sống tại các thành phố này đã được dễ dàng chính là nhờ có các cộng đoàn do thái sinh sống tại đây. Nghĩa là thánh Phaolô đã sống giữa các người đồng hương trong cộng đoàn do thái hải ngoại, và rao giảng Tin Mừng cho họ trước tiên. Trong các hội đường do thái thánh Phaolô đã gặp rất nhiều người ngoại giáo có thiện cảm hay tân tín đồ do thái, và họ đã là những người đầu tiên theo Kitô giáo. Trái lại, các người đồng hương, tức các tín hữu do thái, càng ngày càng thù nghịch với thánh Phaolô. Họ tố cáo Phaolô là người phản bội Do thái giáo, rao giảng ngày cáo chung của Do thái giáo và của các truyền thống do thái. Thái độ thù nghịch của các người đồng hương khiến cho sứ mệnh truyền giáo của thánh Phaolô ngày càng mang đường nét rõ ràng: rời bỏ hội đường do thái để dân thân rao giảng Tin Mừng cứu độ cho các anh chị em không do thái. Trong sách Công vụ chương 19,8-10 thánh sử Luca cho chúng ta biết tại Êphêxô, sau khi giảng dạy trong hội đường do thái ba tháng, thánh Phaolô đã chọn trường học của ông Tirannos làm nơi giảng dạy. Trong hai năm liên tiếp thánh nhân đã dùng phòng ốc trường học này để rao truyền Tin Mừng cho các anh chị em ngoại giáo, từ giờ thứ 5 tới giờ thứ 10, tức từ 11 giờ sáng cho tới 16 giờ chiều, là giờ trường ốc rảnh rỗi, vì dân chúng ăn trưa và nghỉ trưa. Trong sách Công Vụ thánh Luca lập đi lập lại là Phaolô rao giảng cho dân do

thái trước, nhưng sau khi gặp sự khước từ và chống đối của họ, thánh nhân quay ra rao giảng cho người ngoài Do thái giáo. Tuy đây là một lược đồ thần học nhằm chứng minh cho thấy nếu người do thái đã không tin nhận Tin Mừng là do lỗi của họ, chứ không phải do lỗi của thánh Phaolô, khẳng định này phản ánh sự thật lịch sử.

Nét đặc thù thứ ba trong chiến thuật truyền giáo của thánh Phaolô là thường chọn các nơi chưa có ai tới rao truyền Tin Mừng trước đó. Thánh Phaolô và các cộng sự viên theo nguyên tắc không tới rao giảng tại những nơi đã có người rao truyền Chúa Giêsu rồi, để không quá hãnh diện vì kết quả đã do người khác nhọc công gieo vãi. Chính Phaolô cho chúng ta biết trong chương 15,20 thư gửi tín hữu Roma và trong thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô chương 10,12-18. Thật thế, thánh nhân cảm thấy mình được Chúa gọi loan báo Tin Mừng cho những người chưa bao giờ biết Chúa, thành lập các cộng đoàn Kitô mới và mở rộng biên giới Kitô giáo tới tận cùng bờ cõi trái đất. Mọi dân tộc không do thái phải được nghe loan báo Tin Mừng của Chúa Kitô. Đó là chương trình Thiên Chúa muốn, và thánh Phaolô xác tín rằng Thiên Chúa đã chọn ngài như dụng cụ cho công tác này, như thánh nhân khẳng định với tín hữu Roma trong các chương 1,14-15 và 15,15-19.24-28.

Tuy nhu cầu loan báo Tin Mừng Nước Trời khắp nơi cấp bách, thánh Phaolô đã không vội vã bỏ nơi này sang nơi khác. Trái lại, ngài dừng lại lâu trong thành phố này hay thành phố nọ, để củng cố cộng đoàn Kitô đã thành lập được và giúp cộng đoàn trưởng thành và tự lập chùng nào có thể. Và đây là nét đặc thù thứ bốn trong chiến thuật truyền giáo của ngài. Nòng cốt Tin Mừng liên quan tới cái chết và sự sống lại của Chúa Giêsu Kitô (1 Cr 15,3-5), liên quan tới biến cố Ngài sẽ quang lâm phán xét vũ trụ và loài

người trong thời cánh chung và khai mào Vương Quốc của Thiên Chúa (1 Ts 1.9-10; 4,13-5,11) là vốn liếng giáo lý quan trọng của lòng tin, nhưng vẫn chưa đủ. Còn cần phải giảng giải cho tín hữu hiểu biết sâu rộng giáo lý và luân lý kitô nữa. Đây là lý do giải thích tại sao thánh Phaolô dừng lại một thời gian lâu trong các cộng đoàn để giảng dạy, và sau khi từ giã cộng đoàn ngài vẫn tiếp tục giảng dạy khuyên nhủ qua thư tín.

Công tác rao truyền Tin Mừng chắc chắn đã tốn kém không ít, vì thánh Phaolô phải thanh toán chi phí di chuyển, thuê phòng ốc để giảng dạy và tụ tập các tín hữu, cũng như cung cấp phương tiện sống cho chính mình và các cộng sự viên. Ai là người tài trợ các chi phí đó? Ở đây thánh Phaolô theo nguyên tắc "tay làm hàm nhai". Đây là nét đặc thú thứ 5 trong chiến lược truyền giáo. Mặc dù đã có thể kêu gọi hay đòi buộc tín hữu đóng góp trợ giúp cho các phí tổn như thói quen thời đó, thánh Phaolô và các cộng sự viên của ngài đã thích làm một nghề riêng để có phương tiện sinh sống, để không trở thành gánh nặng cho cộng đoàn, như thánh nhân viết trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica chương 2,9, hay trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô chương 9,18. Ngoài những giờ giảng dạy và công tác tông đồ mục vụ, các vị đã phải làm việc ngày đêm để có phương tiện chi dùng cho cuộc sống thường ngày. Tin Mừng các vị rao giảng là món quà nhưng không thánh Phaolô và các cộng sự viên trao tặng cho tín hữu. Không ai có thể mua bán Lời Chúa và ơn thánh được.

Tuy nhiên thánh nhân cũng công nhận là tín hữu các giáo đoàn vùng Macedonia đã trợ giúp phương tiện tài chánh để ngài dành trọn thời giờ cho việc loan báo Tin Mừng tại Côrintô. Và trong suốt các năm lưu lại Côrintô, thánh nhân đã luôn luôn chú ý để không trở thành gánh nặng cho bất cứ tín hữu nào trong cộng đoàn

như ngài nhắc cho họ biết trong chương 11,9-10 thư thứ hai. Trong chương 4,10-20 thư gửi tín hữu Philiphê, thánh nhân cũng sung sướng tỏ lòng biết ơn họ vì đã gửi tiền giúp ngài trong thời gian truyền giáo tại Macedonia. Một đôi lần thánh nhân có xin các tín hữu trợ giúp để ngài có phương tiện di chuyển trong hành trình truyền giáo (1 Cr 16,6) hay đề sang Tây Ban Nha như ngài xin với tín hữu Roma trong chương 15,24 thư gửi cho họ. Ngoài ra thánh nhân cũng không quên các tín hữu đã quảng đại tiếp đón ngài và các cộng sự viên tới ở trong nhà họ như ông Gaius (Rm 16,23), ông Philêmôn (Plm 22), hay các thợ làm lều da (Cv 18,3).

Nét đặc thù thứ sáu trong chiến lược truyền giáo của thánh Phaolô đó là có các cộng sự viên và làm việc theo nhóm. Trong số các cộng sự viên đặc lực và thân tín nhất phải kể tới Sila hay Silvanô, Timôtêô và Titô. Dĩ nhiên thánh Phaolô luôn là người lãnh đạo và phối trí công tác truyền giảng Tin Mừng, nhưng thánh nhân rất trân trọng và quý mến các cộng sự viên của mình. Đó là lý do giải thích tại sao khi kể lại cho tín hữu nghe công tác truyền giáo thánh Phaolô dùng từ "chúng tôi" số nhiều (1 Ts; 2 Cr 1,19). Trong các liên hệ khó khăn giữa thánh nhân và tín hữu cộng đoàn Côrintô Timôtêô (1 Cr 4,17; 16,10-11) và nhất là Titô (" Cr 2,13; 7,6 tt.; 16,10-11) đã đóng vai trung gian quý báu và hữu hiệu. Thánh Phaolô gọi Timôtêô là "người con rất yêu dấu và trung tín trong Chúa" (1 Cr 4,17), là "người anh em và cộng sự viên của Thiên Chúa trong công tác rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô" (1 Ts 3,2). Timôtêô đã như là "người con sát cánh bên cha mình, trong việc phục vụ Tin Mừng" (Pl 2,22). Còn Titô thì được thánh Phaolô gọi là "người bạn đồng hành và cộng sự viên" của ngài vì các tín hữu (2 Cr 8,23).

Điểm sau cùng cần ghi nhận trong chiến lược truyền giáo của

thánh Phaolô, đó là tinh thần liêm chính và sự thẳng thắn đối với các tín hữu. Hiện tượng các trường phái triết học và các tôn giáo gửi đồ đệ đi thuyết giảng và chiêu mộ tín đồ là một sự kiện rất thịnh hành thời đó. Các người này cũng thường dùng triết thuyết và tôn giáo làm bậc tiến thân. Nhưng đó không phải là thái độ của Phaolô và của các cộng sự viên của thánh nhân. Trái lại, Phaolô và các cộng sự viên của ngài thường lộ trần mặt nạ lừa đảo, giả dối, mị dân của các thừa sai giả này, như viết trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica chương 2,3.5-6. Còn hơn thế nữa trong chương 2 và chương 4 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô Phaolô đã mạnh mẽ chỉ trích thái độ giả hình, lắt léo và thiếu liêm chính của các thừa sai Kitô gốc do thái có khuynh hướng quá khích. Họ chủ trương bắt các anh chị em không do thái phải tuân giữ luật lệ do thái, và nói xấu nói hành thánh Phaolô trước tín hữu Côrintô, nhưng họ đã bị thánh nhân sửa mắng thẳng mặt.

5. THÁNH PHAOLÔ, CON NGƯỜI CỦA TIN MỪNG

Đọc các thư của thánh Phaolô chúng ta nhận thấy thánh nhân là người có ý thức cao độ về vai trò riêng là người loan báo tin vui: Thiên Chúa công hiến ơn cứu độ cho mọi người qua Đức Giêsu Kitô. Thánh Phaolô là sứ giả Tin Mừng trong nghĩa đen của từ "euangellion". Ý thức đó mạnh mẽ tới độ Phaolô viết trong chương 1,17 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: "Thật ra Chúa Kitô không gửi tôi đi rửa tội, nhưng là để loan báo Tin Mừng".

Tuy nhiên, ở đây Phaolô không hiểu việc loan báo Tin Mừng như là thông báo tin vui cứu độ bằng lời nói. Tin Mừng mà thánh nhân rao giảng không chỉ là lời rao giảng đề cập tới sáng kiến cứu độ của Thiên Chúa, cái chết và sự sống lại của Chúa Kitô, mà là lời của chính Thiên Chúa và là lời của Chúa Kitô. Chính Thiên

Chúa và Chúa Kitô nói với mọi người qua Tin Mừng, mà thánh nhân loan truyền. Do đó, không phải thánh Phaolô mà chính Thiên Chúa Cha và Chúa Giêsu phục sinh loan báo Tin Mừng cứu độ. Xác tín này khiến cho Phaolô khẳng định với tín hữu Côrintô trong chương 5,18-20 thư thứ hai gửi cho họ rằng: "Tất cả mọi sự đến từ Thiên Chúa là Đấng đã hòa giải trần gian với Ngài qua Đức Kitô và đã trao phó cho chúng tôi bổn phận phục vụ sự hòa giải đó. Phải, chính Thiên Chúa hòa giải trần gian với Ngài qua Đức Kitô, bằng cách không chấp tội lỗi loài người nữa, và đặt trên môi miệng chúng tôi sứ điệp hòa giải. Vì thế chúng tôi là đại sứ của Chúa Kitô, và chính Thiên Chúa khuyến khích qua môi miệng của chúng tôi". Như thế thánh Phaolô muốn nói rằng lời thánh nhân rao giảng có cùng sự hữu hiệu như lời tạo dựng của Thiên Chúa. Vì thế ngài viết trong chương 2,13 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica như sau: "... khi tiếp nhận lời Thiên Chúa do chúng tôi rao giảng, anh chị em không tiếp nhận như lời của con người trần gian, mà như lời của Thiên Chúa". Và thánh nhân khẳng định ngay trong chương 1 thư gửi tín hữu Roma rằng: "Tin Mừng ngài rao giảng chính "là quyền năng của Thiên Chúa nhằm đem lại ơn cứu độ cho tất cả những ai tin" (Rm 1,16).

Lòng tin như một dân thân cá nhân có ý thức tuân giữ các giáo huấn của Chúa Giêsu, đó là điều kiện khiến cho tín hữu được ơn cứu độ, như thánh Phaolô khẳng định trong chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: "Tôi xin nhắc cho anh chị em nhớ Phúc Âm tôi đã rao giảng và anh chị em đã tin nhận cùng tuân giữ vững vàng. Nếu anh chị em tuân giữ như tôi đã rao giảng, thì anh chị em sẽ được cứu rồi. Nếu không, anh chị em có tin cũng vô ích" (1 Cr 15,1-2). Ý thức cao độ về nhiệm vụ loan báo Tin Mừng cứu độ đó còn đẩy thánh Phaolô đi xa hơn nữa. Một đàng Phaolô khẳng định rằng Tin Mừng cứu độ, mà ngài rao giảng, chính ngài

cũng nhận được từ truyền thống tông đồ, như viết trong cùng chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: "Trước hết tôi truyền lại cho anh chị em điều tôi đã nhận được: đó là Chúa Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Kinh Thánh. Ngài đã được an táng trong mồ và đã sống lại ngày thứ ba, đúng như lời Kinh Thánh. Ngài đã hiện ra với Kêpha và hiện ra với 12 tông đồ" (1 Cr 15,3-5). Đàng khác, thánh nhân cũng khẳng định rằng nó là Tin Mừng của mình, hay đúng hơn "Tin Mừng của chúng tôi" (Rm 2,16; 2 Cr 4,3), trong nghĩa là Tin Mừng thánh nhân và các cộng sự viên rao giảng cho các anh chị em không do thái.

Khẳng định này quan trọng, bởi vì nó cho chúng ta thấy tiến trình giải thoát Tin Mừng của Chúa Kitô khỏi mọi ràng buộc của một nền văn hóa nhất định, bởi đó là nền văn hóa và các đòi buộc của luật lệ do thái, để khiến cho Tin Mừng trở thành Tin Mừng đại đồng, có thể hội nhập vào mọi nền văn hóa khác trên thế giới. Những gì thánh Phaolô nói với tín hữu Galát trong các chương 2 và 3 chứng minh cho bước tiến quan trọng này. Để giải quyết xung khắc do một nhóm Kitô hữu gốc do thái từ Giêrusalem tới Antiokia gây ra, Phaolô và Barnaba đã về Giêrusalem trình bày vấn đề. Hai vị cho hàng lãnh đạo Giáo hội Giêrusalem lúc đó là Giacôbê, Phêrô và Gioan thấy rằng yêu sách bắt các Kitô hữu không do thái phải tuân giữ luật lệ do thái trong đó có luật cắt bì, là điều vô lý. Nội vụ đã được giải quyết khi giới lãnh đạo Giáo Hội Giêrusalem đồng ý với Phaolô và Barnaba phân chia công tác rao truyền Tin Mừng. Phêrô và các vị khác truyền giáo cho các anh chị em gốc do thái, còn Phaolô và Barnaba rao giảng Tin Mừng cho các anh chị em không do thái. Tính chất đại đồng của Tin Mừng cứu độ và sự hiệp nhất trong khác biệt ấy được thánh Phaolô nêu bật trong chương 3 thư gửi tín hữu Galát: "Khi đức Tin xuất hiện rồi thì chúng ta không còn phải nằm dưới ách của

luật lệ nữa. Bởi vì do lòng Tin vào Chúa Kitô anh chị em hết thấy là con cái Thiên Chúa. Phải, tất cả anh chị em đã chịu phép Rửa tội trong Chúa Kitô thì đều được mặc lấy Chúa Kitô. Không còn phân biệt người Hy Lạp hay người Do thái, nô lệ hay tự do, nam giới hay nữ giới nữa. Vì hết thấy anh chị em chỉ là một với Chúa Giêsu Kitô” (Gl 3,25-28). Đây không phải là một yếu tố phụ thuộc, mà là sự thật của Tin Mừng (Gl 2,5.15).

Sở dĩ thánh Phaolô đã phải đưa ra các khẳng định rõ ràng và quyết liệt như trên, vì hồi đó có một nhóm Kitô hữu gốc do thái tìm lung lạc tinh thần của Kitô hữu Galát bằng cách rao giảng lập trường bắt buộc anh chị em không do thái theo Kitô giáo phải tuân giữ luật lệ Do thái giáo. Vì thế ngay trong chương đầu thư gửi cho họ thánh Phaolô đã xác quyết rằng: ”Không có một Tin Mừng khác đâu. Chẳng qua chỉ có mấy người gieo hoang mang giữa anh chị em và muốn xuyên tạc Tin Mừng của Chúa Kitô thôi. Nhưng cho dù chính chúng tôi hay một thiên thần từ trời xuống loan báo một Tin Mừng khác với Tin Mừng chúng tôi đã loan báo cho anh chị em, thì kẻ đó đáng bị loại ra khỏi cộng đoàn dân Chúa!” (Gl 1,7-8).

Nhiệt tâm đối với việc rao giảng Tin Mừng cứu độ khiến cho thánh Phaolô tận hiến trọn tâm hồn và thân xác, mọi sức lực và tài năng của ngài cho công tác truyền giáo. Phaolô không ngần ngại đương đầu với nhóm Kitô hữu gốc do thái quá khích len lỏi vào trong cộng đoàn Côrintô để gieo hoang mang và đánh phá cộng đoàn do thánh nhân nhọc công xây dựng. Thánh Phaolô đã đau đớn ghi nhận sự suy thoái và rạn nứt giữa cộng đoàn. Trong chương 11 thư thứ hai gửi cho họ Phaolô nói ngài phải bắt đắ dĩ tự khoe khoang và so sánh khả năng và công lao của ngài với bọn tông đồ giả hiệu, để cho tín hữu Côrintô thấy mặt nạ gian dối thâm

độc của họ. Vì không những họ vu khống và triệt hạ uy tín thánh nhân trước mặt tín hữu, mà còn muốn lôi kéo các tín hữu theo các lập trường sai lạc phản tinh thần Tin Mừng của Chúa Kitô. Phaolô phải lột mặt nạ của họ, vì ngài ”sợ rằng như con Rắn xưa đã dùng mưu chước quỷ quyết lừa dối Evà thế nào, thì lòng trí tín hữu Côrintô cũng sẽ dần dần ra hư hỏng và mất sự ngay thẳng trước mặt Chúa Kitô như thế”. Vì vậy thánh nhân phân bua với tín hữu Côrintô rằng: ”Họ khoe họ là các thừa tác của Đức Kitô ư? Tôi sắp nói như người điên dại, tôi còn hơn họ vì tôi đã vất vả nhiều, vì tôi đã bị tù đầy tra tấn cực khổ, vì tôi đã bao phen chết hụt. Tôi bị người Do thái đánh tôi bằng gậy năm lần, mỗi lần ba mươi gậy. Tôi bị đánh bằng roi da ba lần, bị ném đá một lần, bị đắm tàu ba lần, tôi đã bị xiêu bạt một ngày một đêm trên biển cả” (2 Cr 11,23-25).

Chương 9,19-23 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô là một trang tiểu sử khác cho chúng ta thấy quả thật Tin Mừng cứu độ là đích điểm duy nhất trong cuộc đời thánh Phaolô. Thánh nhân hy sinh tất cả, chịu đựng tất cả, liêu mất tất cả, miễn là mọi người được lắng nghe Tin Mừng. Ngài viết: ”Phải, là người tự do đối với mọi người, nhưng tôi đã tự nguyện làm đầy tớ mọi người, để chinh phục được nhiều linh hồn hơn. Đối với người Do thái, tôi trở nên người Do thái, hy vọng chinh phục được họ. Tuy tôi không phải giữ Lễ Luật, nhưng đối với các kẻ phải giữ Lễ Luật tôi trở nên kẻ giữ Lễ Luật, để chinh phục những kẻ phải giữ Lễ Luật. Đối với những kẻ không có Lễ Luật, tôi trở nên như người sống ngoài vòng pháp luật để chinh phục những người không có lễ luật, mặc dầu tôi không phải là người vô pháp luật trước mặt Chúa, bởi vì Chúa Kitô là luật lệ của tôi. Với những người yếu đuối, tôi trở nên yếu đuối để cứu vớt các kẻ yếu đuối. Tôi đã trở nên tất cả trong mọi người, hy vọng bằng mọi giá cứu vớt được ai đó. Và tôi làm

mọi điều ấy vì loan báo Tin Mừng, để cùng được kẻ khác chia sẻ
Tin Mừng ấy”.

Nhưng chúng ta sẽ lầm to, nếu chúng ta cho thánh Phaolô là một nhân vật đặc biệt, một con người có các lý tưởng siêu vời hay một người hùng, trong nghĩa tôn thờ thần tượng, như rất thường xảy ra trong giới truyền giáo lưu động thời đó. Không, Phaolô tự cho mình là một người bị bắt buộc phải rao giảng Tin Mừng, như viết trong chương 9,16 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: ”Thật ra, đối với tôi rao giảng Tin Mừng không phải là lý do để khoe khoang kiêu hãnh. Nhưng, nó là một bổn phận: khôn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng”. Còn hơn thế nữa trong chương 1 thư gửi tín hữu Roma, thánh nhân gọi mình là ”nô lệ của Đức Giêsu... được chọn lựa để rao giảng Tin Mừng của Chúa” (Rm 1,1), và mắc nợ mọi người ”người Hy Lạp, cũng như các dân rợ, người khôn ngoan cũng như người vô học” (Rm 14). Trong chương 15 thư gửi giáo đoàn Roma thánh nhân cũng tự định nghĩa là ”thầy tế lễ của Tin Mừng” và là “người biến các anh chị em không do thái trở thành một lễ vật đẹp lòng Thiên Chúa và được Thánh Thần thánh hóa” (Rm 15,16).
(còn nữa...)

Tác giả bài viết: LM Giuse Linh Tiến Khải